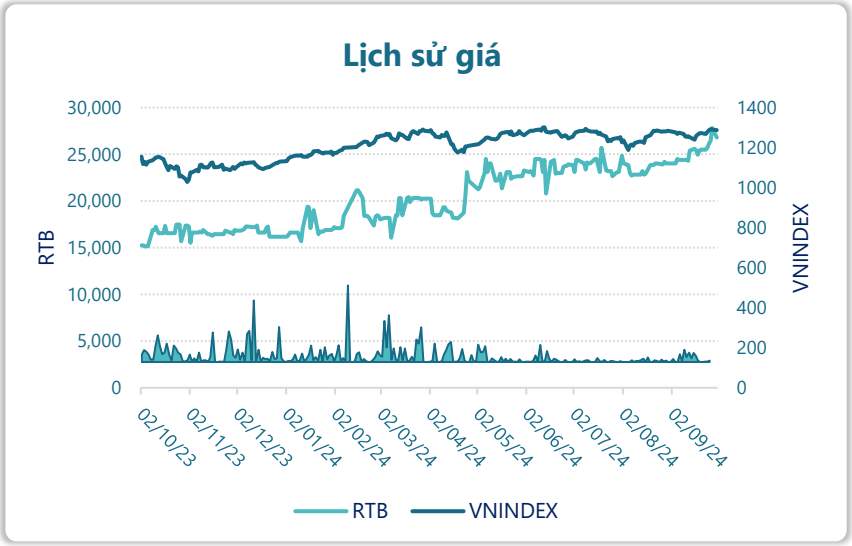
CTCP Cao su Tân Biên (UPCOM: RTB)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**29,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,809
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,145
SL cổ phiếu LH	87,945,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,965
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,550
P/E	8.8
EPS	3,299

DT thuần

Q3/24

311

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 104| 50.4%

YoY: ▲ 6.00| 2.1%

LN sau thuế

Q3/24

118

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 32.9| 38.4%

YoY: ▲ 86.3| 271%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

45.1%

+/- YoY: ▲ 29.5%

DT thuần

9T 2024

803

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 105| 15.1%

LN sau thuế

9T 2024

332

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 158| 90.4%

ROE

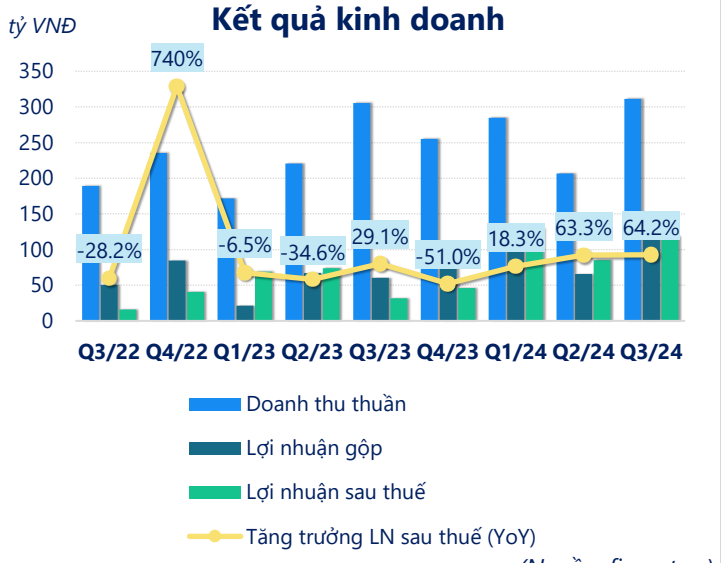
Q3/24

12.4%

+/- YoY: ▲ 5.1%

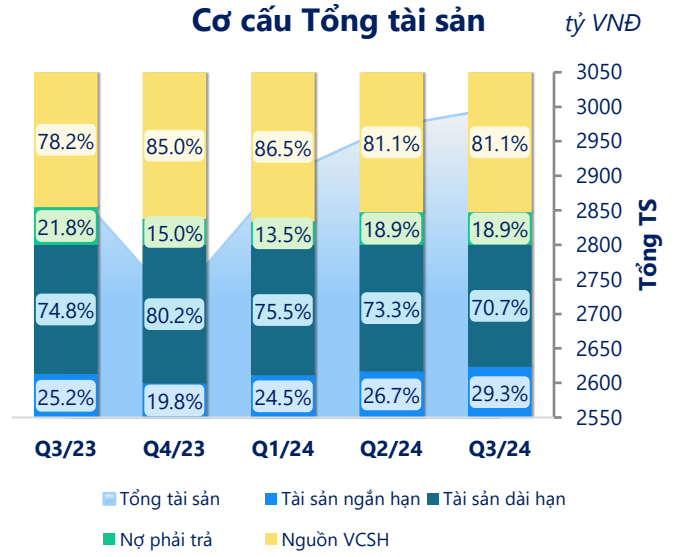
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



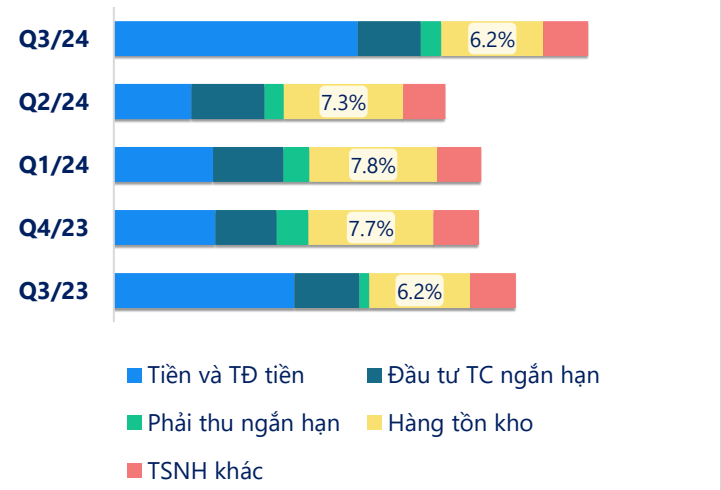
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



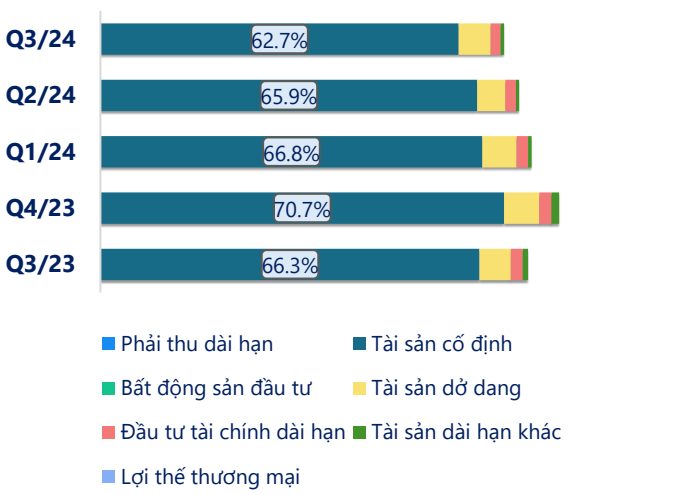
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



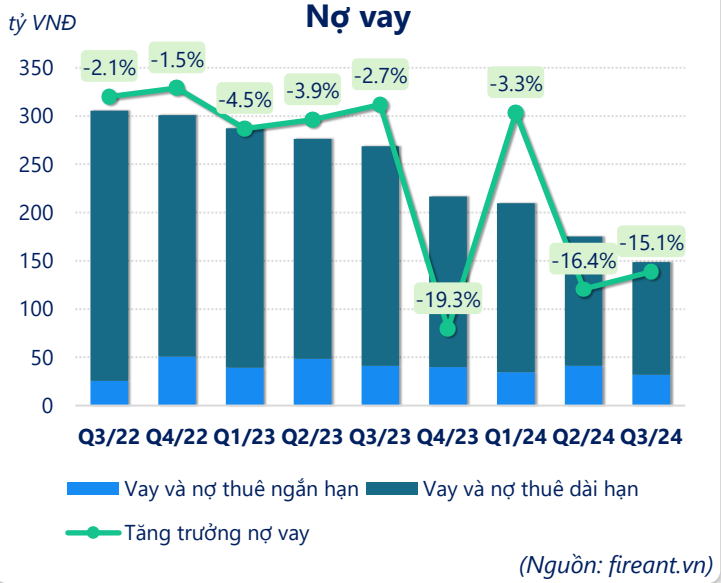
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



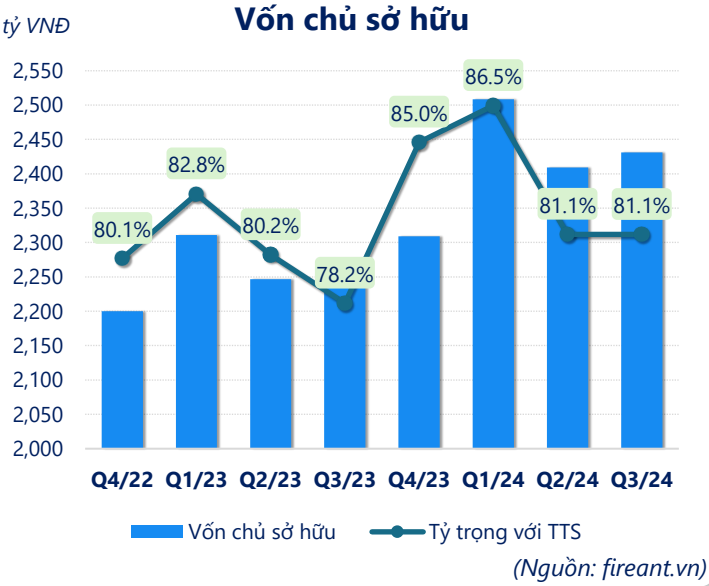
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



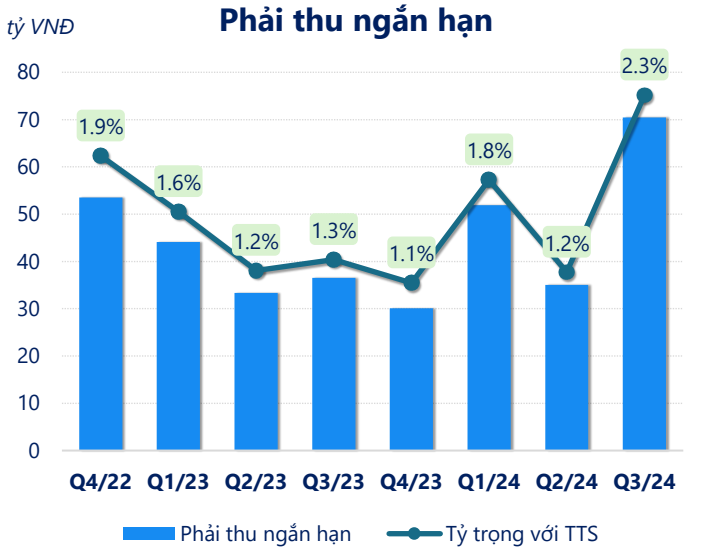
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



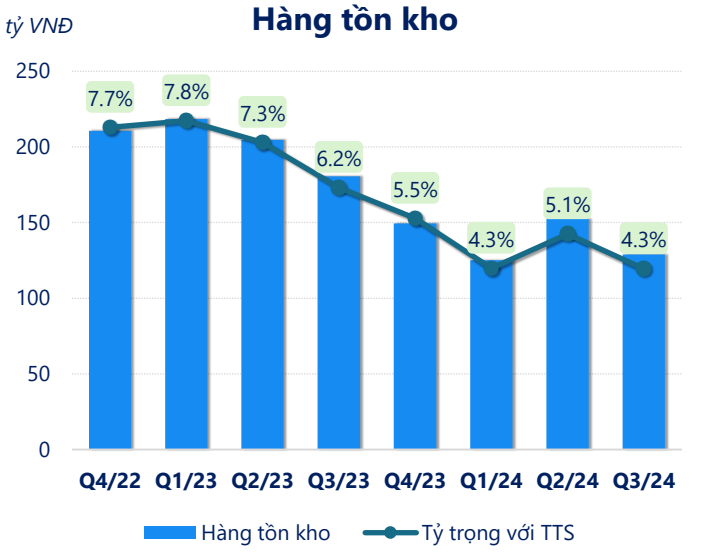
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



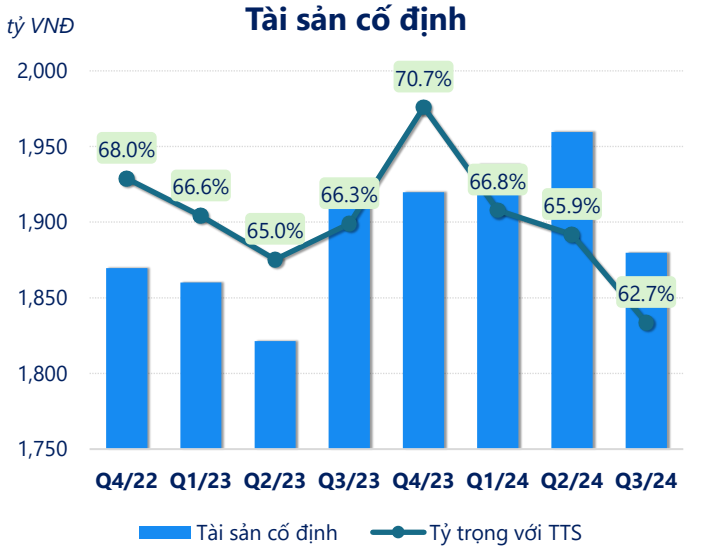
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



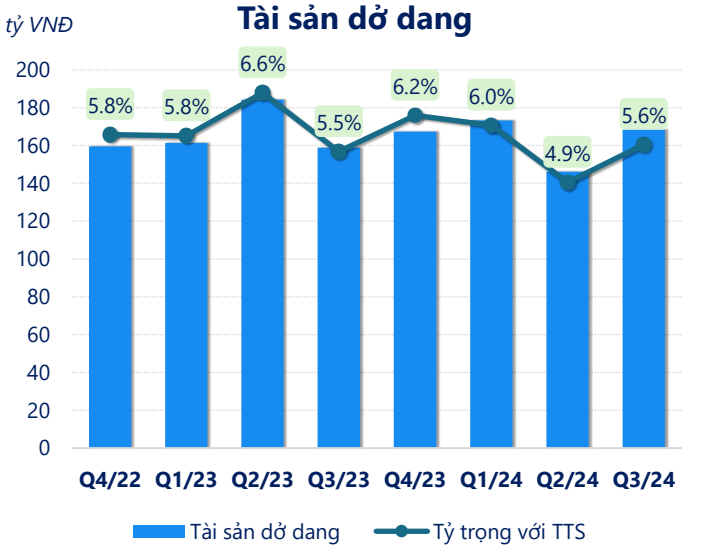
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



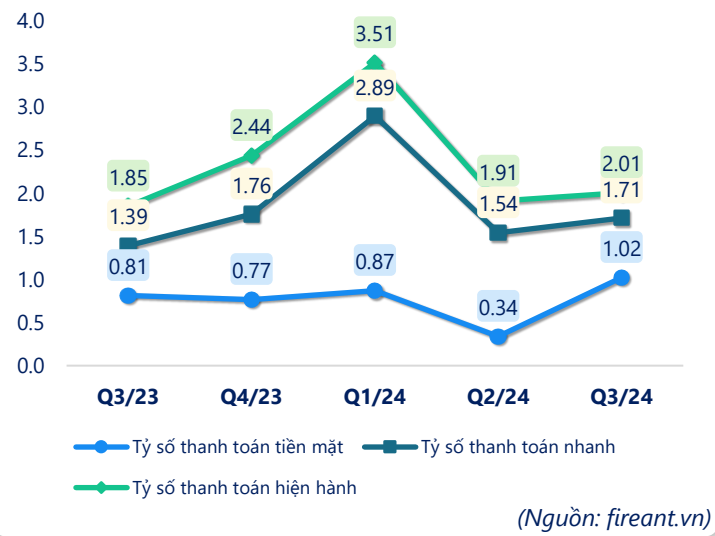
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



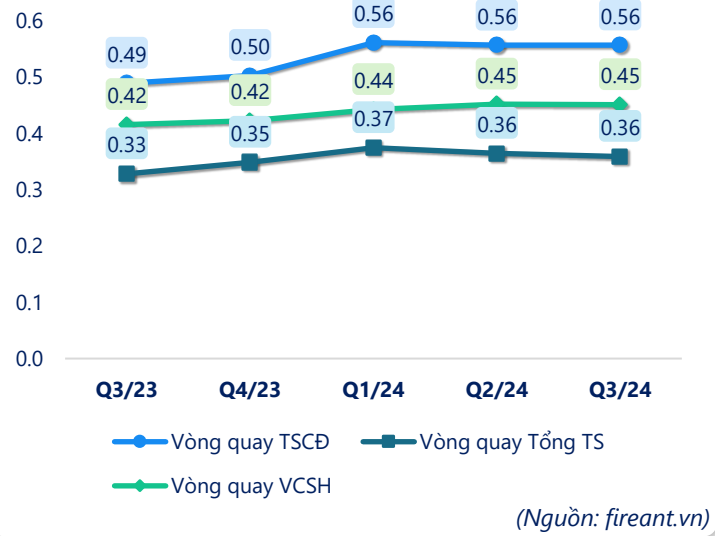
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**2,894**	**2,717**	**2,899**	**2,972**	**2,999**
Tài sản ngắn hạn	**728**	**537**	**711**	**793**	**880**
Tiền và tương đương tiền	320	169	176	141	448
Đầu tư tài chính ngắn hạn	112	107	277	371	148
Phải thu ngắn hạn	36.5	30.1	51.9	35.0	70.5
Hàng tồn kho	180	149	125	153	129
Tài sản ngắn hạn khác	79.6	81.3	80.9	94.3	84.0
Tài sản dài hạn	**2,166**	**2,180**	**2,188**	**2,178**	**2,119**
Phải thu dài hạn	0	0	0.22	0	0
Tài sản cố định	1,920	1,920	1,938	1,960	1,880
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	159	167	173	146	169
Đầu tư tài chính dài hạn	59.3	58.2	57.5	55.4	51.4
Tài sản dài hạn khác	27.7	35.1	19.2	17.1	19.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**632**	**408**	**391**	**562**	**568**
Nợ ngắn hạn	**394**	**220**	**202**	**416**	**439**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	41.2	39.8	34.6	41.2	31.9
Phải trả người bán ngắn hạn	43.9	23.7	25.0	38.8	29.0
Nợ dài hạn	238	188	188	146	129
Vay và nợ thuê dài hạn	227	177	175	134	117
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,262**	**2,309**	**2,508**	**2,409**	**2,431**
Vốn chủ sở hữu	**2,262**	**2,309**	**2,508**	**2,409**	**2,431**
Vốn điều lệ	879	879	879	879	879
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)